TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/DS-ST
Ngày: 21-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Đức Binh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2025/QĐXXST-DS ngày 15/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2025/QĐST-DS ngày 05/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1966; nơi thường trú: Tổ U, thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

Ông Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Xuân Tr:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; nơi thường trú: Tổ U, thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

2. Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1992;

3. Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1991;

4. Bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, sinh năm 1995;

5. Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 2000;

6. Bà Nguyễn Thị Xuân Th1, sinh năm 2004;

Cùng thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th:

1. Bà Hoàng Thị Bích Ng, sinh năm 1984; Thường trú: Tổ U1, thôn T1, xã N, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

2. Bà Nguyễn Ngọc Bảo K, sinh năm 2002; Thường trú: thôn T2, xã Th, huyện Đ2, tỉnh L; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/02/2025 và văn bản ủy quyền ngày 26/3/2025).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị Trúc M, sinh năm 1989; cùng nơi cư trú: Số U3, đường T3, tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B.

Bà Ng, bà K, bà H, bà L vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà My vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị Bích Ng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Thông qua quen biết, bà Phạm Thị L và con gái là bà Phạm Thị Trúc M có vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị H và chồng là ông Nguyễn Xuân Tr. Việc vay mượn có ghi nhận lại trong Giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận của bà Phạm Thị L. Cụ thể như sau:

Ngày 07/12/2021, bà Phạm Thị L và bà My đã mượn số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để đóng bảo hiểm.

Ngày 08/12/2021, bà L có mượn thêm số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), có hẹn góp mỗi ngày 100.000 đồng tức hẹn trả hết nợ cho nguyên đơn trong 100 ngày.

Tổng số tiền bà L đã mượn là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Vợ chồng bà Nguyễn Thị H đã yêu cầu bà L trả nợ nhiều lần, tuy nhiên bà L luôn hứa hẹn hết lần này đến lần khác, trốn tránh không trả tiền.

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu giải quyết buộc bà Phạm Thị L trả lại cho nguyên đơn số tiền 40.191.667 đồng (Bốn mươi triệu một trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), gồm: Tiền nợ gốc 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày 09/12/2021 đến ngày 14/4/2025 với mức lãi suất

10%/năm là 10.191.667 đồng (Mười triệu một trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

* Tại đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện ngày 15/4/2025, bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 xác định chỉ yêu cầu bà L có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi, không yêu cầu bà My phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán nợ.

* Tại bản tự khai ngày 21/5/2025, bà Hoàng Thị Bích Ng trình bày: Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Thị L phải trả là 33.172.603 đồng (Ba mươi ba triệu một trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng), gồm: Tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 20/3/2022 đến ngày 21/5/2025 với mức lãi suất 10%/năm trên khoản tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng là 3.172.603 đồng (Ba triệu một trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng).

Ngoài ra, sau phiên tòa xét xử sơ thẩm đến ngày bản án có hiệu lực mà bị đơn không tự nguyện trả tiền cho nguyên đơn thì bị đơn phải chịu lãi với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 trên khoản tiền nợ còn phải trả tính từ ngày có bản án sơ thẩm có hiệu lực đến ngày thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn.

- Tại các bản tự khai ngày 25/3/2025, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày: Các ông, bà thống nhất từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định.

* Tại bản tự khai ngày 19/4/2025, bà Hoàng Thị Bích Ng và bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày: Thống nhất ý kiến với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr về việc họ từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2025, quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị L trình bày: Bà L và ông Phạm Quang Thế đã ly hôn được gần 10 năm. Ngày 07/12/2021, bà L có ghi cho bà Nguyễn Thị H 01 Giấy ghi nợ ngày 07/12/2021 số tiền 20.000.000 đồng để đóng bảo hiểm, không tính lãi suất, bà L có ký tên vào giấy. Ngày 08/12/2021, bà L có ghi cho bà Nguyễn Thị H 01 Giấy ghi nợ ngày 08/12/2021 số tiền 10.000.000 đồng, góp 100.000 đồng/ngày.

Bà L thừa nhận có mượn của bà H số tiền 30.000.000 đồng, nay bà L đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng này cho bà H. Số tiền này là cá nhân bà L mượn của bà H, không liên quan đến con gái tên Phạm Thị Trúc M. Vì bà L khó khăn nên xin bà H bỏ tiền lãi cho bà L.

Bà L đồng ý mỗi tháng trả cho bà H 2.000.000 đồng hoặc hơn tùy vào khả năng cho đến khi hết 30.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Phạm Thị Trúc M trong suốt quá trình tố tụng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1, bị đơn bà Phạm Thị L chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Phạm Thị Trúc M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 05/5/2025 và ngày 21/5/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Nguyên đơn có đơn rút yêu cầu đối với bà Phạm Thị Trúc M, xác định chỉ yêu cầu bà L có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi, không yêu cầu bà My phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán nợ.

+ Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn, bị đơn bà L đều thừa nhận giữa hai bên có quan hệ mượn tiền, số tiền bị đơn mượn là 30.000.000 đồng. Ngày 15/4/2025, bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Phạm Thị Trúc M.

Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện buộc bà L chịu trách nhiệm trả tiền là phù hợp. Những người kế thừa quyền nghĩa vụ của nguyên đơn ông Tr thống nhất từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí), giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định.

Về lãi suất: 02 Giấy mượn tiền đều không thỏa thuận lãi suất. Đối với Giấy mượn ngày 07/12/2021 không hẹn thời hạn trả. Giấy mượn ngày 08/12/2021 đối với số tiền 10.000.000 đồng, hẹn góp 100.000 đồng/ngày, như vậy, thời hạn trả là

100 ngày. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền 10.000.000 đồng từ ngày 20/3/2022 đến ngày 21/5/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 3.172.603 đồng, không yêu cầu tính lãi với khoản tiền 20.000.000 đồng là phù hợp. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc cá nhân bà L trả tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi 3.172.603 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1, bị đơn bà Phạm Thị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Phạm Thị Trúc M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 05/5/2025 và ngày 21/5/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025. Theo bản tường trình quan hệ nhân thân; bản sao Giấy chứng tử số 26/2010, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp ngày 25/10/2010 và bản sao Giấy khai sinh số 473 ngày 14/12/2018 của ông Nguyễn Xuân Tr do nguyên đơn nộp, thì mẹ ông Tr là bà Nguyễn Thị Bảy và cha là ông Nguyễn Tráng đã chết. Như vậy, căn cứ vào 05 bản sao Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp và Giấy chứng nhận kết hôn số 235, quyển số 01 ngày 28/02/1989 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr gồm vợ là bà Nguyễn Thị H và 05 người con ruột là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1. Do đó, Tòa án đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tr.

[1.3] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện: Ngày 15/4/2025, bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 có đơn rút yêu cầu khởi kiện với nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Xác định chỉ yêu cầu bà L có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi, không yêu cầu bà Phạm Thị Trúc M phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán nợ.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện buộc bà Phạm Thị L phải thanh toán số tiền 33.172.603 đồng (Ba mươi ba triệu một trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng), gồm: Tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 20/3/2022 đến ngày 21/5/2025 với mức lãi suất 10%/năm trên khoản tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng là 3.172.603 đồng (Ba triệu một trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng).

Nộp kèm là Bản chính 01 Giấy mượn tiền ghi 02 nội dung vào ngày 07/12/2021 và ngày 08/12/2021.

[3] Nguyên đơn bà H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr có đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện, với nội dung không yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Trúc M có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi suất. Chỉ yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị L có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn. Đây là ý kiến của nguyên đơn nên Tòa án chấp nhận.

[4] Theo Giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện: Nội dung ngày 07/12/2021 ghi: Phạm Thị L, SN 1970, số CM W, tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, con gái tên Phạm Thị Trúc M, SN 1989 CM W. Hai mẹ con có mượn bà H số tiền 20.000.000 đồng để đóng bảo hiểm. Nội dung ngày 08/12/2021 ghi: tôi Phạm Thị L mượn 10 triệu, góp một ngày 100 ngàn. Phía dưới 02 giấy mượn tiền có chữ ký của bà Phạm Thị L.

Bị đơn bà Phạm Thị L thừa nhận ngày 07/12/2021 và ngày 08/12/2021 có lập và ký 02 Giấy mượn tiền với nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, nội dung giống như 02 Giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Bị đơn bà L xác nhận cá nhân bà L có nợ nguyên đơn bà H số tiền 30.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[5] Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 đều trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định.

Như vậy bà L có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) cho bà H là phù hợp. Từ đó có căn cứ xác định, việc bà H, ông Tr khởi kiện yêu cầu bà L thanh toán số tiền nợ là có cơ sở theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về lãi suất:

[6.1] Giấy mượn tiền ngày 07/12/2021 không thỏa thuận tính lãi, không hẹn thời gian trả tiền. Như vậy, đây là quan hệ vay tiền không lãi suất, không kỳ hạn. Người đại diện nguyên đơn không yêu cầu bất cứ khoản lãi nào tính đến ngày xét xử sơ thẩm nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6.2] Giấy mượn tiền ngày 08/12/2021 không thỏa thuận tính lãi, ghi góp theo ngày, từ đó có thể tính toán được ngày thanh toán hết số tiền mượn. Như vậy, đây là quan hệ vay tiền không có lãi suất, có kỳ hạn. Bị đơn bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi sau khi hết kỳ hạn là phù hợp.

Số tiền 10.000.000 đồng mượn ngày 08/12/2021, mỗi ngày góp 100.000 đồng từ ngày 08/12/2021, thời gian góp là 100 ngày, vậy ngày hết hạn góp là ngày 19/3/2022. Lãi suất sẽ được tính từ ngày 20/3/2022 với mức lãi suất 10%/năm. Người đại diện nguyên đơn xác định số tiền lãi tính từ ngày 20/3/2022 đến ngày 21/5/2025 (là 1.158 ngày) với mức lãi suất 10%/năm là 3.172.603 đồng (Ba triệu một trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng).

Mức lãi suất này là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, vì vậy có cơ sở chấp nhận.

[7] Về tạm ứng án phí: Thời điểm đóng tạm ứng án phí, bà H và ông Tr cùng đóng. Tuy nhiên, ngày 28/02/2025, ông Tr chết. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Tr cùng người đại diện hợp pháp của họ trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn bà H. Vì vậy, tiền tạm ứng án phí sẽ được trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[8] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị L phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 74, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 357, 463, 466, 468, Điều 609, Điều 614 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân Tr đối với bị đơn bà Phạm Thị L về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Phạm Thị L có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 33.172.603 đồng (Ba mươi ba triệu một trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng), gồm: Tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm là 3.172.603 đồng (Ba triệu một trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị L phải chịu 1.658.630 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

- Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 980.000 đồng (Chín trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005163 ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự (4);
- VKSND huyện Đức Linh (1);
- CC THADS huyện Đức Linh (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung